

Bản án số: 250/2021/HS-PT
Ngày 12-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3, ngày 23 tháng 4 và ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 369/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Quốc B. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc B, kháng cáo của bị hại Đỗ Thị Bích T1, nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2020/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1999, tại tỉnh Đồng Tháp; Tên gọi khác: C; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số XX, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Hồ Thị Kim S; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam: Từ ngày 27/3/2020 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Đỗ Thị Bích T1, sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: KDC 5, thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: XX, Quốc lộ 1K, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn dân sự: Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: XX, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: XX, ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ Thị Bích T1 và nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T: Luật sư Phạm Văn Vũ - Văn phòng luật sư Trần Phạm & Cộng Sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị hại T1, nguyên đơn dân sự T và luật sư Phạm Văn Vũ có đơn xin xét xử vắng

mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Bé T, sinh năm: 1986 (có mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở: ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
2. Nguyễn Phúc Dan C, sinh năm: 1985 (có mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
3. Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1993 (có mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1983 (có mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
2. Phan Thị B - sinh năm: 1947 (vắng mặt);
3. Huỳnh Văn U - sinh năm: 1944 (vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: XX, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
4. Võ Ngọc L1 - sinh năm: 1983 (vắng mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
5. Phạm Trung C2 - sinh năm: 1994 (vắng mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
6. Nguyễn Văn D - sinh năm: 1983 (vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
7. Nguyễn Ngọc X - sinh năm: 1981 (vắng mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
8. Nguyễn Hồng N - sinh năm: 1989 (vắng mặt);
Nơi cư trú: XX, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 12/6/2019, Nguyễn Văn Bé T2 đến nhà của Huỳnh Thị Thùy T (vợ của T2, 02 người đang ly thân) để rước con thì gặp T và Đỗ Thị Bích T1 đang ngồi uống rượu cùng với 01 người bạn. T2 kêu T ra nói chuyện thì cả hai cự cãi qua lại. Khi đó, T làm rơi điện thoại Iphone 6S Plus của T xuống nền gạch, trong lúc tức giận T2 nhặt điện thoại lên tiếp tục đập xuống nền gạch một lần nữa rồi bỏ đi.

Đến khoảng 19 giờ ngày 13/6/2019, T2 trong lúc uống rượu cùng với Nguyễn Phúc Dan C, Nguyễn Vũ L tại nhà của Nguyễn Hồng N ở số XX, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thì T2 kể cho C nghe về mối quan hệ giữa T với T1 dẫn đến việc T bỏ T2 và việc T1 hăm dọa giết cả dòng họ của T2. Sau đó, T2 gọi điện cho T thì T1 nghe máy và cự cãi qua lại với T2 trên điện thoại, T1 kêu T1 đến nhà của T để nói chuyện, C đi cùng với T2 đến nhà T tại ấp H, xã T, huyện L để giải hòa. Khi đến còn cách nhà T khoảng 20m thì thấy T1 và T vừa đi chơi về, T1 dừng xe lại, T ngồi lại trên xe, còn T1

cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 40-50cm đi lại định chém T2 thì C chụp tay cầm dao của T1 rồi khóa tay T1 ra phía sau làm con dao rơi xuống đất, C kéo T1 đi một đoạn khoảng 10m đến nơi có ánh đèn của cổng chào thuộc ấp H, xã T, huyện L và tháo nón bảo hiểm màu trắng (loại kiểu nón kết) của T1 ra ném xuống đất, rồi dùng tay tát vào mặt T1 01 cái thì T chạy đến can ra, T2 nắm kéo T ra và dùng tay tát vào mặt T 02-03 cái, T chạy về kêu người thân tiếp nhưng không có ai nên quay trở lại. Trong lúc T chạy về nhà thì T2 quay sang dùng tay đánh vào người T1 nhiều cái, T1 ngồi xuống đất dùng hai tay ôm đầu để đỡ. Lúc này, Nguyễn Vũ L chạy xe đến, thấy T2 đang đánh T1 nên hỏi sự việc thì T2 nói "Con nhỏ này cặp với vợ anh, bỏ anh", nghe vậy L xông vào dùng tay, chân đánh, đá nhiều cái vào người T1 thì T chạy đến ôm đầu T1 che lại, nên T2 và L dừng lại và bỏ đi lên lề đường đứng. Một lúc sau, Nguyễn Quốc B và Nguyễn Thành Đ đi uống rượu về chạy xe ngang qua, thấy đông người nên dừng lại xem, do có quen biết từ trước nên khi B nhìn thấy T2 thì đến hỏi sự việc, T2 trả lời "Nó lấy vợ anh còn đánh anh", nghe vậy B đi lại định đánh T1 thì L hiểu nhầm tưởng B là người quen của T1 nên xô B ra ngã xuống đất, T2 nói B là thằng em. Khi đó, B tự đứng lên tay cầm nón bảo hiểm màu xanh của B xông vào đánh T1 02-03 cái vào vùng đầu, lưng làm bể nón bảo hiểm rơi xuống đất thì được C và Đ can ngăn xô ra. B tiếp tục đi đến phía sau, bên trái của T1, rồi dùng chân phải đá mạnh 01 cái trúng vào trán của T làm cho chân phải của B bị sưng đau, thì được mọi người tiếp tục can ngăn, B liền nhấc cây gỗ tròn dài khoảng 1m đánh vào người T1 01-02 cái nữa làm khúc cây bị gãy thì Đ kéo B ra, kêu B lên xe đi về; T2, C, L cũng bỏ đi về. T1 và T được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa S cấp cứu và điều trị, do vết thương không nặng nên T không nhập viện, chỉ khám xong thì về nhà, riêng T1 nhập viện điều trị đến ngày 17/6/2019 được xuất viện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ vật chứng và các tài sản gồm:

- Thu giữ tại hiện trường: 01 khúc gỗ đã khô, tròn, dài 94cm, đường kính 4cm, một đầu bằng, một đầu nhọn, trọng lượng 660gam; 01 khúc gỗ khô, dài 41cm, trọng lượng 480gam; 01 miếng nhựa nón bảo hiểm không rõ hình dạng, màu xanh, có chữ Lan, trọng lượng 180gam; 01 miếng nhựa nón bảo hiểm không rõ hình dạng, màu xanh, có chữ CTY TNHH RUBI, có gắn kính, trọng lượng 250gam; 01 miếng xốp nón bảo hiểm màu trắng, có gắn vải thun màu đen, trọng lượng 40gam; 01 kính nón bảo hiểm, hai bên có gắn 02 miếng nhựa màu trắng, trọng lượng 60gam; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng, kiểu nón kết, bị bể ở phần mỏm nón, trọng lượng 300gam (nón bảo hiểm này của T1 bỏ lại hiện trường); 01 vỏ chai bia Sài Gòn Lacer, không có nước và nắp; 02 cái khẩu trang y tế màu xanh, đã qua sử dụng (02 khẩu trang này là của T1 và T bỏ lại hiện trường); 01 chiếc dép nữ, bên trái, màu đen, có chữ Fashion, size số 38 (chiếc dép này là của Trang bỏ lại hiện trường).

- Thu giữ của Đỗ Thị Bích T1: 01 cái áo khoát màu đỏ, dài tay, có nón, bên trái phía trước có hình con báo màu trắng, vai trái bị rách dài 5cm, nón bên phải bị tét dài 11cm, phía sau bên trái có dấu bị rách dài 2,5cm, nách trái bị rách dài 7cm; 01 cái áo thun ngắn tay, màu đen, có chữ NOT TODAY màu trắng ở trước áo, tay áo bên trái bị rách dài 4cm.

- Thu giữ của Huỳnh Thị Thùy T: 01 điện thoại di động có chữ Iphone S, màu hồng, màn hình bị bể, nút nhiều mảnh, bị mất nút home, không kiểm tra được số IMEI, điện thoại không hoạt động (đã niêm phong).

- Thu giữ của Nguyễn Văn Bé T2: 01 điện thoại di động, bàn phím, nhãn hiệu Nokia, nắp lưng màu đỏ, mặt trước điện thoại màu đen, chưa kiểm tra chất lượng (đã niêm phong).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 251/TgT ngày 15/8/2019 và Công văn số 28/TTPY ngày 11/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp đối với Đỗ Thị Bích T1 xác định:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng trán trái sẹo lành gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.

- Sẹo vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đỗ Thị Bích T1 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 14%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 252/TgT ngày 15/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp đối với Huỳnh Thị Thùy T xác định: Chấn thương phần mềm vùng tay, đầu, chân hiện không thấy dấu vết thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Huỳnh Thị Thùy T do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 00%.

Tại bản án số 43/2020/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B (Củ Sắn) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B (Củ Sắn) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 587, 586 và 590 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L với bị hại Đỗ Thị Bích T1 là bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Đỗ Thị Bích T1 tiền thuốc điều trị, tiền xe, tiền thu nhập thực tế bị mất 8.930.000 đồng nhưng khấu trừ 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quốc B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số 016243, ngày 13/8/2020. Như vậy bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L còn liên đới bồi thường 3.930.000 đồng (ba triệu chín trăm ba chục nghìn đồng) cho chị Đỗ Thị Bích T1.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Đỗ Thị Bích T1 22.350.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm chục nghìn đồng) tiền tổn thất tinh thần.

Buộc anh Nguyễn Văn Bé T2 có nghĩa vụ bồi thường tiền thuốc điều trị thương tích và tổn thất tinh thần cho chị Huỳnh Thị Thùy T 4.005.000 đồng (bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Phúc Đan C, anh Nguyễn Vũ L cùng liên đới chịu 985.500 đồng (chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Bé T2 chịu 529.000 đồng (năm trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, bị cáo Nguyễn Quốc B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/11/2020, bị hại Đỗ Thị Bích T1 kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung, xét xử lại theo thủ tục chung nhằm tránh bỏ lọt tội phạm; nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì bỏ lọt hành vi “Hủy hoại tài sản” của anh Nguyễn Văn Bé T2.

Cùng ngày 02 tháng 11 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có kháng nghị số 01/QĐ-VKSLVg với nội dung kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa phần trách nhiệm dân sự và phần án phí. Cụ thể: Không buộc Nguyễn Văn Bé T2 bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho Huỳnh Thị Thùy T số tiền 2.980.000 đồng; Buộc Nguyễn Quốc B, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L và Nguyễn Văn Bé T2 cùng liên đới chịu 1.314.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Buộc Nguyễn Văn Bé T2 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc B thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan và cho rằng bị cáo không dùng nón bảo hiểm đánh bị hại T1 mà chỉ có dùng chân đá trúng vào trán của bị hại T1, có dùng cây đánh T1 nhưng không biết đánh trúng đâu. Bị cáo không gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ 12%.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSLVg ngày 02/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, đồng thời cho rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc B bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bị hại. Bị cáo đã được thông báo kết quả giám định tỷ lệ thương tật của bị hại nhưng bị cáo không có khiếu nại

gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKL/V ngày 02/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp cho rằng các anh Nguyễn Quốc B, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L không tham gia đánh chị T nên việc chị T yêu cầu B, C, L liên đới cùng T2 bồi thường tổn thất tinh thần cho chị T 10.000.000 đồng là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm lại tuyên buộc Nguyễn Văn Bé T2 bồi thường tổn thất tinh thần cho chị T 2.980.000đ (tương đương 02 tháng lương cơ sở) là không có căn cứ, mặc dù T2 có dùng tay đánh chị T 02 cái nhưng chỉ thương tích ngoài da, không đáng kể và kết quả giám định thương tích của chị T là 00%. Phần quyết định bản án tuyên buộc bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Đan C, anh Nguyễn Vũ L liên đới bồi thường tiền thuốc điều trị, tiền xe, công lao động, tổn thất tinh thần cho T1 tổng cộng 31.280.000đ, bị cáo B đã bồi thường 5.000.000đ, do đó B, T2, C, L còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho Đỗ Thị Bích T1 26.280.000đ. Tuy nhiên, bản án chỉ buộc Nguyễn Quốc B, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L liên đới chịu án phí 985.500đ dân sự sơ thẩm mà không buộc Nguyễn Văn Bé T2 cùng liên đới chịu án phí là thiếu sót, theo hướng có lợi cho T2 nhưng làm thiệt thòi quyền lợi cho B, C, L. Hơn nữa mức án phí buộc nộp là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và điểm b mục 1.3 khoản 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 như đã nêu trên, làm thiệt hại ngân sách Nhà nước. Tính đúng phải là: Nguyễn Quốc B, Nguyễn Văn Bé T2, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L liên đới nộp: 1.314.000đ án phí dân sự sơ thẩm ($26.280.000đ \times 5\% = 1.314.000đ$). Ngoài ra, còn tuyên buộc Nguyễn Văn Bé T2 bồi thường tiền thuốc điều trị, tổn thất tinh thần cho Huỳnh Thị Thùy T tổng cộng 4.005.000đ, nhưng lại buộc anh T2 chịu 529.000đ án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và điểm a mục 1.3 khoản 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Tính đúng phải là: Nguyễn Văn Bé T2 nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (từ 6.000.000đ trở xuống thì mức án phí phải nộp là 300.000đ). Xét thấy nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với đơn kháng cáo của chị Trang, tại phiên tòa sơ thẩm chị đã đồng ý không yêu cầu tại vụ án này và sẽ yêu cầu bằng vụ án khác. Ngoài ra, trong quá trình điều tra anh T2 còn có hành vi đập điện thoại Iphone 6S của chị Trang, qua định giá là 5.000.000đ. Nhưng xét thấy thời điểm ngày 12/6/2019, mối quan hệ của chị T và anh T2 còn là mối quan hệ vợ chồng do mâu thuẫn nên ly thân, khi mua điện thoại T2, T cùng đi mua trả góp tại Thế giới di động S, tiền mua điện thoại là của hai vợ chồng mặc dù tên đứng trả góp là T đứng, chưa làm rõ để xác định tài sản này là tài sản riêng hay tài sản chung nên các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm tách ra giải quyết thành vụ án khác là phù hợp.

Đối với đơn kháng cáo của chị T1 cho rằng vụ án có bỏ lọt tội phạm: xét thấy vụ án xảy ra lúc ban đầu có T2, Đan C, L có dùng tay đánh chị và các đối tượng cũng đã thừa nhận và qua giám định là 2% không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, khi những người này đánh chị xong thì lúc này có bị cáo B đến, bị cáo B trực tiếp dùng cây, nón bảo hiểm gây thương tích cho chị T1 tỷ lệ tổn thương là 12%, chị cho

rằng vụ án bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ để xem xét.

Từ nhận định trên, căn cứ vào Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc B và bị hại Đỗ Thị Bích T1 và nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T, y án sơ thẩm về mức hình phạt.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ Thị Bích T1 và nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T không thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Vị luật sư cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm kết luận như trên là hoàn toàn chỉ dựa vào lời khai của bị cáo B và những người liên quan thuộc nhóm Nguyễn Văn Bé T2 trong khi lời khai của những người này có nhiều mâu thuẫn và bất nhất. Hồ sơ thể hiện lời khai của các bên liên quan hoàn toàn mâu thuẫn nhau nhưng cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không cho thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường, cho diễn lại hành vi của các đối tượng để xác định rõ sự thật khách quan, làm cơ sở giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm chưa được làm rõ đúng sự thật khách quan về diễn biến vụ án, mục đích, động cơ phạm tội của B, có dấu hiệu oan sai cho B và bỏ lọt tội phạm của những người liên quan thuộc nhóm Nguyễn Văn Bé T2. Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ vai trò đồng phạm của T2, C, L và hành vi phạm tội khác của T2 hủy hoại tài sản của T.

Với luận cứ nêu trên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm, gây oan sai và khắc phục những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nêu trên.

Trong phần tranh luận, bị cáo B không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với bị hại, nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng những người này đã có mặt tại các phiên tòa phúc thẩm ngày 26 tháng 3, ngày 23 tháng 4 năm 2021; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có lý do. Xét thấy, những người làm chứng có lời khai tại cơ quan điều tra đã rõ ràng và sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố

tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc B khai rằng giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước. Do có ý bênh vực anh Bé T2, bị cáo dùng chân đá 01 cái trúng vào vùng trán bên trái của bị hại T1 dùng cây gỗ đánh nhiều cái vào người của bị hại T1 nhưng không biết trúng đâu, bị cáo không dùng nón bảo hiểm đánh bị hại T1. Bị cáo xác định các vết thương này của chị T1 là do chính bị cáo gây ra. Bị cáo khẳng định án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có gây thương tích cho chị T1 nhưng thương tích không tới 12%.

Bị hại Đỗ Thị Bích T1 cho rằng thương tích của chị là do cả nhóm gồm Nguyễn Văn Bé T2, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L và Nguyễn Quốc B, Nguyễn Thành Đ và người tên T3 gây ra nên yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của những người nêu trên theo quy định pháp luật và buộc họ phải bồi thường về dân sự.

Nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T cho rằng án sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Văn Bé T2 về hành vi hủy hoại tài sản và buộc Bé T2 bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bỏ lọt tội phạm.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm đã có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Bé T2, T và T1, Đan C đi cùng với T2 đến nhà T để giải hòa. Khi đến còn cách nhà T khoảng 20m thì thấy T1 và T vừa đi chơi về, T1 dừng xe lại, T ngồi lại trên xe, còn T1 cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 40-50cm đi lại định chém T2 thì C chụp tay cầm dao của T1 rồi khóa tay T1 ra phía sau làm con dao rơi xuống đất. C kéo T1 đi một đoạn khoảng 10m đến nơi có ánh đèn và tháo nón bảo hiểm của T1 ra ném xuống đất, rồi dùng tay tát vào mặt T1 01 cái thì T chạy đến can ra. T2 nắm kéo T ra và dùng tay tát vào mặt T 02-03 cái. T chạy về kêu người thân tiếp nhưng không có ai nên quay trở lại. Trong lúc T chạy về nhà thì T2 quay sang dùng tay đánh vào người T1 nhiều cái, T1 ngồi xuống đất dùng hai tay ôm đầu để đỡ. Lúc này, Nguyễn Vũ L chạy xe đến, thấy T2 đang đánh T1 nên hỏi sự việc thì T2 nói "Con nhỏ này cặp với vợ anh, bỏ anh", nghe vậy L xông vào dùng tay, chân đánh, đá nhiều cái vào người T1 thì T chạy đến ôm đầu T1 che lại, nên T2 và L dừng lại và bỏ đi lên lề đường đứng. Một lúc sau, Nguyễn Quốc B và Nguyễn Thành Đ đi uống rượu về chạy xe ngang qua, thấy đông người nên dừng lại xem, do có quen biết từ trước nên khi B nhìn thấy T2 thì đến hỏi sự việc, T2 trả lời "Nó lấy vợ anh còn đánh anh", nghe vậy B đi lại định đánh Trâm thì Linh hiểu nhầm tưởng B là người quen của Trâm nên xô B ra ngã xuống đất, T2 nói B là thằng em. Khi đó, B tự đứng lên tay cầm nón bảo hiểm màu xanh của B xông vào đánh T1 02-03 cái vào vùng đầu, lưng làm bể nón bảo hiểm rơi xuống đất thì được C và Đ can ngăn xô ra. B tiếp tục đi đến phía sau, bên trái của T1, rồi dùng chân phải đá mạnh 01 cái trúng vào trán của T1 thì được mọi người tiếp tục can ngăn. B liền nhặt khúc cây gỗ tròn dài khoảng 1m đánh vào người T1 01-02 cái nữa làm khúc cây bị gãy thì Đ kéo B ra, kêu B lên xe đi về; T2, C, L cũng bỏ đi về. T1 và T được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa S cấp cứu và điều trị. Do vết thương không nặng nên T không nhập viện, chỉ khám xong thì về nhà. Riêng T1 nhập viện điều trị đến ngày 17/6/2019 thì xuất viện.

Như vậy, sau khi các anh T2, C và Linh đánh chị T1 xong, các anh bỏ ra ngoài

thì bị cáo B mới chạy đến. Tại hiện trường lúc này, chỉ có bị cáo B cầm nón bảo hiểm, dùng chân đá và dùng cây cây gỗ tròn đánh người bị hại, ngoài ra không còn ai khác đánh người bị hại. Điều này phù hợp với lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ án; kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với các bị hại, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của các bị hại, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định chính bị cáo Nguyễn Quốc B đã dùng nón bảo hiểm, cây gỗ đánh nhiều cái vào vùng đầu, người của bị hại Đỗ Thị Bích T1 và dùng chân đá 01 cái trúng vào vùng trán bên trái của T1 gây tổn thương cơ thể cho T1 tổng cộng 12%. Còn các anh T2, C và L đã dùng tay đánh trúng nhiều cái vào người chị T1 gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc B đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự;

Việc bị cáo cho rằng anh T2 kêu bị cáo “tiếp anh với” nên bị cáo mới vào đánh chị T1 là không có căn cứ. Bởi lẽ, lúc bị cáo đến hiện trường thì các anh T2, C, L, anh Đ và anh X đứng gần nhau nhưng không ai nghe anh T2 nói với bị cáo “tiếp anh với” nên không đủ cơ sở chứng minh anh T2 có đồng phạm với bị cáo B. Mặt khác, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm cũng như qua thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bị hại. Bị cáo đã được thông báo kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với bị hại nhưng bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Cho nên việc khai nại nêu trên của bị cáo là không có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc B là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo nhận thức được nón bảo hiểm, cây gỗ đánh cũng như việc dùng chân đá vào cơ thể của người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho bị hại bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%, chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quốc B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai gì cho bị cáo. Xét mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội do bị cáo gây và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác thu thập được đã chứng minh hành vi của bị cáo là có tội. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Đối với phần kháng cáo của bị hại cho rằng ngoài Nguyễn Quốc B gây thương tích cho bị hại còn có Nguyễn Văn Bé T2, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Thành Đ và người tên T3 đều có sử dụng tay, chân, nón bảo hiểm, cây gỗ, chai bia, dao

đề đánh, đá, chém chị, nhưng chị không xác định được ai cầm hung khí gì. Thương tích của chị là do những người có tên nêu trên gây ra nên yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của những người nêu trên theo quy định pháp luật và buộc họ phải bồi thường về dân sự. Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các anh T2, C và L thừa nhận có dùng tay đánh chị T1 gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%, còn anh Đ và người tên T3 không có tham gia đánh chị. Tuy anh T2, C và L có tham gia đánh chị T1 nhưng họ không sử dụng hung khí nguy hiểm và chưa gây thương tích đến mức phải xử lý hình sự theo luật định. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với các anh Nguyễn Văn Bé T2, Nguyễn Phúc Đan C, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Thành Đ và người tên T3. Bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới ngoài các căn cứ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của bị hại T1, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Riêng phần kháng cáo của nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T, xét thấy trong quá trình điều tra, chị T chưa chứng minh được điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus của chị bị hư hỏng là do chị làm rơi hay bị anh T2 đập nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ giải quyết sau.

Mặt khác, tại thời điểm ngày 12/6/2019, mối quan hệ của chị T và anh T2 còn là mối quan hệ vợ chồng do mâu thuẫn nên ly thân. Khi mua điện thoại T2, T cùng đi mua trả góp tại Thế giới di động S, tiền mua điện thoại là của hai vợ chồng nhưng chị T đứng tên trả góp, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ để xác định tài sản này là tài sản riêng hay tài sản chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, chị sẽ yêu cầu bằng vụ án khác nên cấp sơ thẩm tách ra giải quyết thành vụ án khác là phù hợp. Nay chị kháng cáo cho rằng án sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Văn Bé T2 về hành vi hủy hoại tài sản và buộc Bé T2 bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của chị T, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với kháng nghị số: 01 ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa phần trách nhiệm dân sự và phần án phí. Xét thấy, bị cáo B gây thương tích cho chị T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%, các anh T2, C và L dùng tay đánh gây thương tích cho chị T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% là có thật. Chị T1 yêu cầu bị cáo B và các anh T2, C và L bồi thường về tổn thất tinh thần là có căn cứ. Tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tối đa là 50 lần mức lương cơ sở Nhà nước quy định. Do đó, án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo B và các anh T2, C, L cùng liên đới bồi thường tổn thất tinh thần cho T1 số tiền 22.350.000đ (tương đương 15 tháng lương cơ sở) là hoàn toàn thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã xác định chỉ có Nguyễn Văn Bé T2 dùng tay tát vào mặt chị Huỳnh Thị Thùy T 02 cái, kéo ngã chị T xuống đường làm xây sát. Mặc dù chị T không bị tổn thương cơ thể (0%), nhưng thực tế có đến bệnh viện khám và uống thuốc điều trị nên T2 đồng ý bồi thường tiền thuốc điều trị thương tích 1.025.000đ cho chị T là phù hợp. Tuy nhiên, án sơ thẩm lại tuyên buộc Nguyễn Văn Bé T2 bồi thường tổn thất tinh

thần cho chị T 2.980.000đ (tương đương 02 tháng lương cơ sở) là không có căn cứ.

Bản án tuyên buộc bị cáo B và các anh T2, C, L liên đới bồi thường các khoản chi phí và tổn thất tinh thần cho T1 tổng cộng 31.280.000đ nhưng trừ 5.000.000đ bị cáo B đã bồi thường; B, T2, C và L còn phải liên đới bồi thường tiếp cho T1 số tiền 26.280.000đ. Tuy nhiên, án sơ thẩm chỉ buộc B, C, L liên đới chịu 985.500đ án phí dân sự sơ thẩm mà không buộc Nguyễn Văn Bé T2 cùng liên đới chịu án phí là thiếu sót và mức án phí buộc nộp là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và điểm b mục 1.3 khoản 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Do đó, phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ nên chấp nhận. Sửa án sơ thẩm, điều chỉnh lại mức bồi thường và phần án phí.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của bị cáo và người bị hại, nguyên đơn dân sự là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét phát biểu của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và nguyên đơn dân sự là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của B và bị hại T1 cũng như nguyên đơn dân sự T không được chấp nhận nên bị cáo, bị hại và nguyên đơn dân sự phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo Nguyễn Quốc B. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đỗ Thị Bích T1 và nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị Thùy T.

Chấp nhận một phần kháng nghị số: 01 ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt. Sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B (Củ Sắn) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B (Củ Sắn) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 587, 586 và 590 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L với bị hại Đỗ Thị Bích T1. Theo đó, bị cáo B cùng các anh T2, C, L liên đới bồi thường cho chị T1 tiền thuốc điều trị, tiền xe, tiền thu nhập thực tế bị mất 8.930.000 đồng nhưng trừ 5.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Quốc B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số 016243, ngày 13/8/2020; bị cáo B cùng các anh T2, C, L còn phải liên đới bồi thường tiếp cho chị T1 số tiền 3.930.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Văn Bé T2, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L liên đới bồi thường khoản tổn thất tinh thần cho chị Đỗ Thị Bích T1 với số tiền 22.350.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản, buộc bị cáo B cùng các anh T2, C, L liên đới bồi thường cho chị T1 số tiền 26.280.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Bé T2 có nghĩa vụ bồi thường tiền thuốc điều trị thương tích cho chị Huỳnh Thị Thùy T với số tiền 1.025.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Phúc Dan C, anh Nguyễn Vũ L, anh Nguyễn Văn Bé T2 cùng liên đới chịu 1.314.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Bé T2 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- CQCSĐT CAH L;
- CQTHAHS CAH L;
- Bị cáo; bị hại, nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa; Người liên quan;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Khắc Thịnh